



MARKET LENS

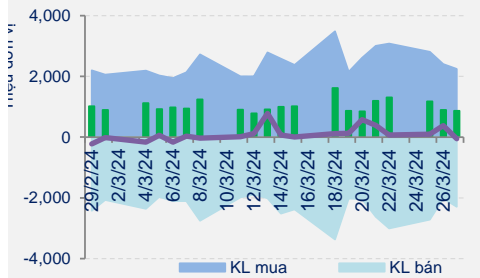
Phiên giao dịch ngày: 27/3/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

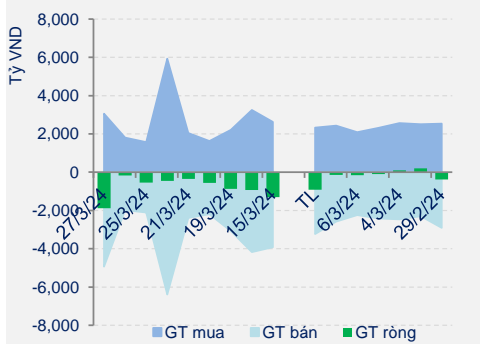
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,283.09	242.85
% Thay đổi	↑ 0.07%	↑ 0.34%
KLGD (CP)	870,733,865	84,607,521
GTGD (tỷ đồng)	24,022.01	1,799.48
Tổng cung (CP)	2,296,988,903	158,818,000
Tổng cầu (CP)	2,248,302,404	139,937,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	103,469,060	1,201,984
KL mua (CP)	63,529,283	1,336,292
GT mua (tỷ đồng)	3,052.46	23.54
GT bán (tỷ đồng)	4,931.84	27.53
GT ròng (tỷ đồng)	(1,879.38)	(3.99)

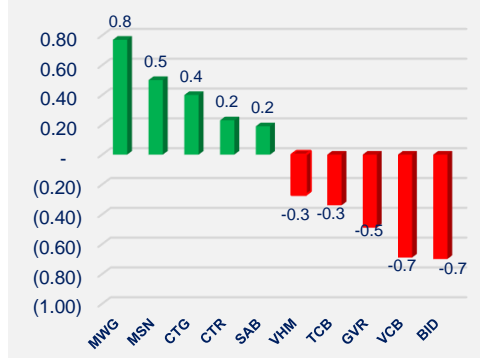
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên tăng điểm tốt lấy lại điểm số của phiên giảm điểm trước đó, VN-INDEX trong phiên hôm nay duy trì giao dịch khá tích cực khi mở đầu phiên tăng điểm, rung lắc khá mạnh trong phiên kiểm tra lại vùng 1.278 điểm giá cao nhất 02 tuần trước. Kết phiên VN-INDEX tăng 0,88 điểm (+0,07%) lên mức 1.283,09 điểm và đang tiệm cận vùng giá 1.285 điểm - 1.295 điểm tương ứng giá cao nhất tháng 08-09/2022. HNX-INDEX tăng tốt hơn 0,82 điểm (+0,34%) lên mức 242,85 điểm. Độ rộng thị trường vẫn tích cực với nhiều mã tăng giá tốt, vượt vùng giá đỉnh gần nhất khi có 290 mã tăng giá (17 mã tăng trần), 186 mã giảm giá (01 mã giảm sàn) và 130 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh đạt 25,811,65 tỷ đồng, tăng 9,36% so với phiên trước, mức trung bình một phần do giao dịch thỏa thuận tăng. Trong khi khối lượng giao dịch của VN-INDEX vẫn giảm 6,43% so với phiên trước, dưới ảnh hưởng không kết nối của thành viên VNDIRECT. Trong thông tin mới nhất chiều 27/03/2024 trên website công ty Chứng khoán VNDirect cho biết đã khôi phục được hệ thống và đang rà soát, đánh giá để đảm bảo an toàn cho khách hàng giao dịch tại công ty. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng mạnh giao dịch trong phiên hôm nay, tiếp tục bán ròng mạnh trên HOSE với giá trị 1.879,38 tỷ đồng, bán ròng trên HNX với giá trị 3,99 tỷ đồng.

Trong hai ngày gần nhất, ngân hàng Nhà Nước (NHNN) đã giảm tốc độ hút tiền. Ngày 26/3/2024, giá trị tín phiếu phát hành 3.700 tỷ đồng chỉ bằng khoảng 1/4 so với trung bình những phiên trước đó. Như vậy, kể từ khi khởi động lại kênh tín phiếu, NHNN đã phát hành tổng cộng gần 156.000 tỷ đồng. Đến ngày 08/04/2024, lô tín phiếu đầu tiên mới đáo hạn. Điều này phần nào giảm áp lực tâm lý đối với các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Mặc dù diễn biến giao dịch của thị trường đang chậm lại với thanh khoản trong xu hướng giảm. Tuy nhiên thị trường vẫn có nhiều mã, nhóm mã có diễn biến vượt trội so với thị trường chung, thanh khoản vẫn gia tăng tốt như các cổ phiếu công, vận tải biển trong phiên hôm nay, nổi bật như VSC (+6,80%), DXP (+5,84%), VOS (+3,78%), SGP (+2,49%)... Các cổ phiếu bán lẻ cũng có diễn biến giao dịch rất tích cực, hầu hết tăng giá, thanh khoản gia tăng mạnh với MWG (+4,21%), MSN (+1,89%), PET (+1,58%)....

Nhóm cổ phiếu bất động sản tiếp tục có diễn biến tích cực với đa số tăng giá tốt, thu hút lực cầu giá lên với thanh khoản gia tăng trong bối cảnh thanh khoản thị trường chung giảm như VRC (+6,96%), QCG (+6,87%), VPH (+3,41%), NHA (+3,00%), DIG (+2,50%), DXG (+2,27%)... ngoài các mã điều chỉnh nhẹ SJS (-1,08%), KOS (-1,06%), CSC (-0,96%)... Trong khi đó các cổ phiếu bất động sản Khu công nghiệp, cao su sau phiên phục hồi tăng giá tốt, đa số chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản suy giảm với SIP (+1,66%), KBC (-1,52%), GVR (-1,47%), TIP (-1,29%)...

Các cổ phiếu ngân hàng sau phiên phục hồi trước với thanh khoản suy giảm, đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh nhẹ trở lại, thanh khoản dưới mức trung bình như SGB (-2,04%), ABB (-1,23%), BID (-0,94%), TCB (-0,87%)... ngoài OCB (+1,35%), NAB (+0,92%), CTG (+0,85%)... Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến khá tương tự ngoài HCM (+2,47%), SSI (+1,32%).

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2404 tăng 3 điểm (+0,23%), chênh lệch âm -0,77 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 7,69% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 vẫn tăng trường trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.283 điểm, giá cao nhất ngày 06/03/2024, kháng cự mạnh 1.295 điểm, giá cao nhất ngày 22/03/2024. Các kỳ hạn VN30F2405, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ -0,17 điểm đến 1,43 điểm so với VN30, mức chênh lệch thu hẹp. Cho thấy các trader đang nghi ngờ về VN30 sẽ biến động hẹp ngắn hạn, vẫn đang lạc quan đối với xu hướng của VN30 khi 02 kỳ hạn lớn đều chênh lệch dương.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường đi ngang sau phiên hồi phục mạnh tiếp tục củng cố thêm nền tích lũy ngắn hạn, Vn-Index đã hình thành nền tích lũy tin cậy và sẵn sàng cho nhịp tăng mới, chốt phiên Vn-Index tăng +0,88 điểm (+0,07%) và đóng cửa ở 1.283,09 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường vận động tích cực với phiên điều chỉnh đầu tuần giúp Vn-Index củng cố thêm nền tích lũy. Thị trường hồi phục tích cực ngay sau phiên điều chỉnh cho thấy nhận định củng cố nền tích lũy của phiên điều chỉnh là nhận định sát với diễn biến thị trường. Với trạng thái hiện tại Vn-Index hoàn toàn có thể hướng tới ngưỡng kháng cự 1.300 điểm trong các phiên tới.

Về góc nhìn trung hạn Vn-Index đang dần tích lũy nền tin cậy dần để sẵn sàng cho nhịp bùng nổ tiếp theo hình thành uptrend, tuy nhiên nếu thời gian tích lũy quanh cản mạnh 1.300 điểm dài hơn thì độ tin cậy của nhịp tăng sẽ cao hơn. Trong kịch bản tiêu cực hơn thị trường sẽ có điều chỉnh và trở lại vận động trong kênh tích lũy 1.150 điểm - 1.250 điểm hoặc 1.300 điểm.

Vn-Index đi ngang sau phiên hồi phục củng cố thêm nền tích lũy ngắn hạn, nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét giải ngân trong các phiên tới với mục tiêu chỉ số có thể hướng tới quanh 1.300 điểm. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và chờ đợi thêm các diễn biến thị trường tại ngưỡng cản 1.300 điểm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

27/3/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BWE	44.60	42.5-43.5	50-52	40	12.8	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
PVS	39.20	37-37.8	44-45	35	21.6	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
8/11/2023	PHR	64.10	45.1	64-65	62	42.1%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	32.50	27.55	32-33	31	18.0%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	22.60	18.09	23-24	21	24.9%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Thu hút FDI 3 tháng đạt hơn 6 tỷ USD

Theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài, 3 tháng đầu năm 2024, Việt Nam thu hút được 6,17 tỷ USD vốn FDI, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2023... Cụ thể, tính đến 20/3/2024, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 6,17 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, có 644 dự án mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đạt hơn 4,77 tỷ USD, tăng 23,4% so với cùng kỳ về số dự án và tăng 57,9% so với cùng kỳ về số vốn đăng ký.

Khẩn trương chọn nhà đầu tư dự án thành phần 4 sân bay Long Thành

Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà giao Bộ Giao thông vận tải phối hợp với các Bộ liên quan khẩn trương triển khai các công việc cần thiết để kịp thời lựa chọn nhà đầu tư dự án thành phần 4, Cảng hàng không quốc tế Long Thành... Trong đó, Phó thủ tướng yêu cầu các cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ, có văn bản tham gia, hướng dẫn Bộ Giao thông vận tải và các đơn vị có liên quan thực hiện cụ thể theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Với dự án thành phần 4 gồm các hạng mục ga hàng hóa, khu logistics hàng không, khu bảo trì máy bay, cung cấp suất ăn, trung tâm điều hành của các hãng bay được giao cho Bộ Giao thông Vận tải chủ trì tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

Ngân hàng Nhà nước giảm rút vốn bằng tín phiếu

Sau 12 phiên chào bán liên tục, NHNN đã hút về tổng cộng gần 156.000 tỷ đồng qua kênh tín phiếu, nhưng 2 phiên gần nhất, quy mô phát hành đã sụt giảm mạnh. Ngày 25-3, NHNN đã hút ròng 7.200 tỷ đồng thông qua hoạt động phát hành tín phiếu trên thị trường mở (OMO), quy mô giảm khoảng phân nửa so với 10 phiên trước đó. Tiếp theo ngày 26-3, lượng tín phiếu phát hành tiếp tục giảm mạnh, chỉ còn 3.700 tỷ đồng. Có 4 thành viên tham gia đấu thầu phiên này và 3 thành viên trúng thầu. Đáng chú ý, lãi suất trúng thầu phiên này đã lên mức cao nhất kể từ khi kênh tín phiếu được mở lại trong tháng 3 này, đạt 1,9%/năm.

Ba tháng đầu năm: Việt Nam đầu tư ra nước ngoài nhiều nhất vào Mỹ

Trong 13 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, Mỹ đứng ở vị trí thứ nhất - chiếm 23% tổng vốn đầu tư trong ba tháng đầu năm. Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong ba tháng đầu năm, các nhà đầu tư Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài 22 dự án đầu tư mới và hai lượt điều chỉnh vốn đầu tư. Tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài đạt 28,94 triệu USD (bằng 24,2% so với cùng kỳ).



TIN DOANH NGHIỆP

ĐHĐCĐ năm 2024 của GELEX Electric (GEE): Thông qua mục tiêu doanh thu hơn 18.000 tỷ đồng

Sáng 27/3/2024, tại Hà Nội, Công ty cổ phần Điện lực GELEX (GELEX Electric – mã GEE) đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và nhiều nội dung quan trọng khác. Nói về năm 2024, Ban Lãnh đạo GELEX Electric cho rằng sẽ có nhiều điểm sáng nhưng cũng tồn tại không ít thách thức đối với hệ thống doanh nghiệp. Đặc biệt, bối cảnh kinh tế toàn cầu và khu vực tiếp tục có nhiều biến động nên việc sáng tạo và chấp nhận thay đổi sẽ quyết định đến sự thành công bền vững. Trên cơ sở đó, năm nay Công ty đặt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất 18.381 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 1.158 tỷ đồng, tăng lần lượt là 10,7% và 19,7% so với thực hiện năm 2023.

PNJ đặt kế hoạch lần đầu lãi vượt 2.000 tỷ đồng

Công ty bán lẻ trang sức tiếp tục đăng kế hoạch tăng trưởng trên nền cao, với chỉ tiêu doanh thu 37.147 tỷ và lợi nhuận 2.089 tỷ đồng, đều là mức cao kỷ lục. Theo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, Công ty cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (Mã: PNJ) đặt mục tiêu doanh thu 37.147 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với năm 2023. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế dự kiến tăng 6% lên 2.089 tỷ đồng, đều là các con số kỷ lục nếu đạt được. Công ty muốn tối ưu hóa doanh thu tại các cửa hàng, tối ưu chi phí vận hành; đầu tư cho công nghệ và chuyển đổi số, làm mới trải nghiệm và thử nghiệm các mô hình tiếp cận khách hàng hiện đại, thúc đẩy các tiêu chí ESG...

NDT bắt đầu kiểm tra được tài khoản tại VNDirect sau 4 ngày bị tấn công

Đến khoảng sau 14h chiều ngày 27/3, trang chủ của VNDirect thông báo sẽ triển khai mở lại hệ thống qua 4 giai đoạn. Trong giai đoạn 1, hệ thống tra cứu được trạng thái và thông tin tài khoản của khách hàng trên My Account. Chiều 27/3, tức ngày thứ 4 kể từ khi sự cố hệ thống bị tấn công xảy ra (24/3), trang chủ của Chứng khoán VNDirect (Mã: VND) đã có thông báo mới về việc mở lại hệ thống. Cụ thể, công ty đã khôi phục được hệ thống và đang tiến hành rà soát, đánh giá hệ thống để đảm bảo tuyệt đối về an toàn an ninh cho khách hàng giao dịch tại công ty.

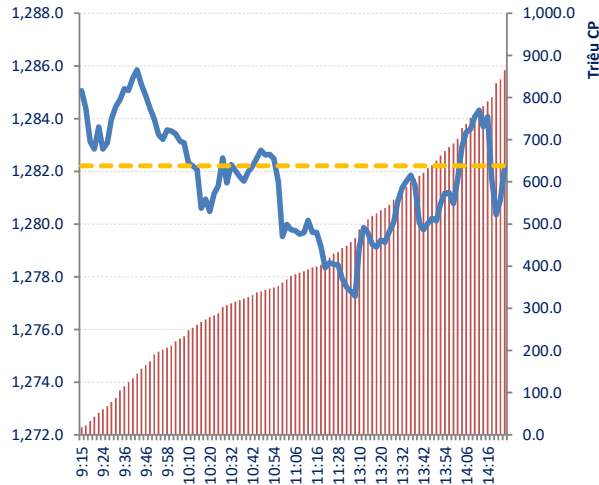
ABBank đặt mục tiêu 1,000 tỷ đồng lãi trước thuế 2024, giữ lại toàn bộ lợi nhuận

Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank, UPCoM: ABB) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên với kế hoạch kinh doanh năm 2024, chiến lược 5 năm đến 2028 và giữ lại toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối. ABBank đặt kế hoạch 2024 đạt 1,000 tỷ đồng lãi trước thuế, tăng 95% so với kết quả 2023. Mục tiêu đến cuối năm 2024, tổng tài sản đạt 170,000 tỷ đồng, mở rộng 5% so với đầu năm. Huy động từ khách hàng và dư nợ tín dụng lần lượt đạt 113,349 tỷ đồng và 116,272 tỷ đồng, cùng tăng 13%. Tỷ lệ nợ xấu cố gắng kiểm soát dưới 3%.

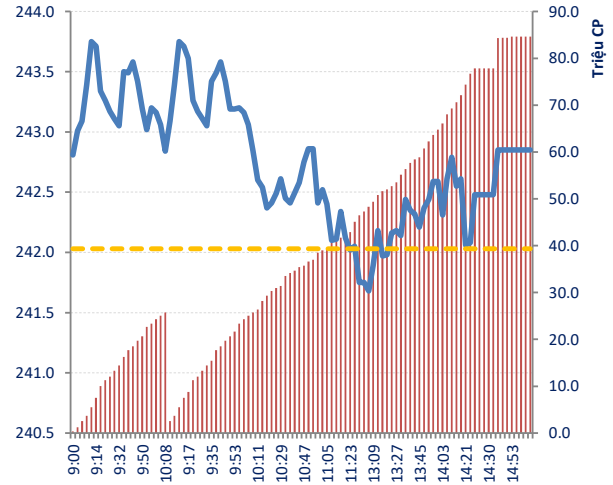


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

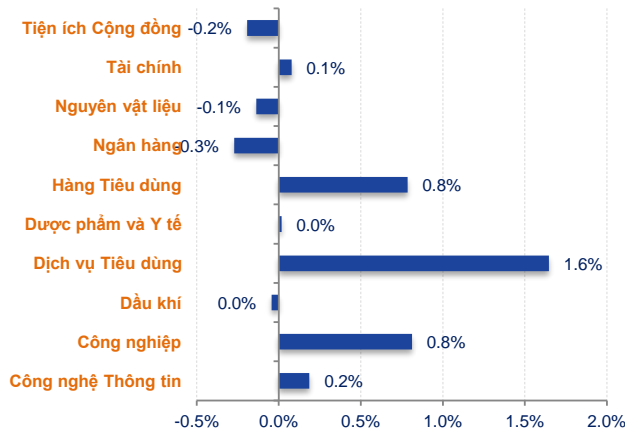
KLGD và VN-Index trong phiên



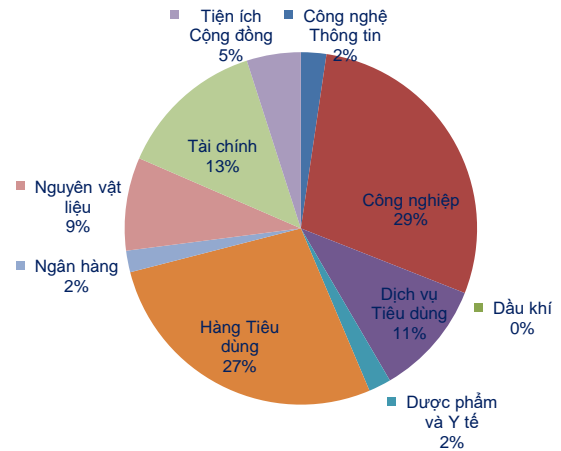
KLGD và HNX-Index trong phiên



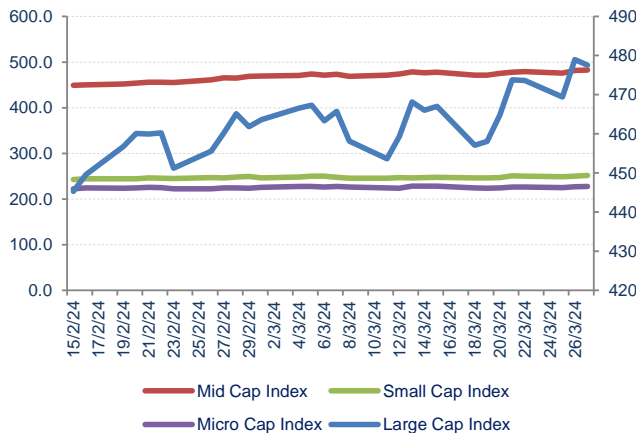
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



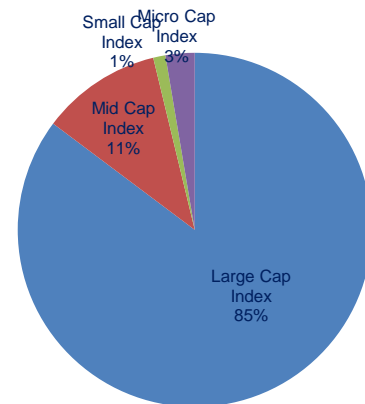
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VSC	1,990,900	MSN	14,299,055	1	TIG	376,500	CEO	359,994
2	HSG	1,339,195	VIX	8,482,695	2	TNG	295,700	SHS	339,300
3	TPB	938,000	GEX	4,762,600	3	HUT	166,700	VC7	104,200
4	HBC	810,400	VHM	3,169,600	4	MST	78,000	L14	46,800
5	HQC	754,400	VRE	1,643,900	5	IDJ	35,000	PLC	25,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MSN	74.00	75.40	↑ 1.89%	45,684,106	SHS	20.40	20.50	↑ 0.49%	16,856,877
NVL	17.85	18.10	↑ 1.40%	43,775,700	CEO	23.60	23.60	→ 0.00%	13,486,089
VND	23.45	23.30	↓ -0.64%	37,024,300	PVS	39.10	39.20	↑ 0.26%	7,117,774
VIX	20.95	21.00	↑ 0.24%	35,462,600	HUT	19.20	19.30	↑ 0.52%	5,341,172
HSG	23.50	24.10	↑ 2.55%	27,369,300	TNG	21.90	22.80	↑ 4.11%	4,366,960

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCF	217.50	232.70	15.20	↑ 6.99%	PIA	25.00	27.50	2.50	↑ 10.00%
VRC	11.50	12.30	0.80	↑ 6.96%	DC2	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
SMA	9.12	9.75	0.63	↑ 6.91%	TJC	15.20	16.70	1.50	↑ 9.87%
CLW	30.50	32.60	2.10	↑ 6.89%	HMR	17.70	19.40	1.70	↑ 9.60%
QCG	11.65	12.45	0.80	↑ 6.87%	VTV	6.40	7.00	0.60	↑ 9.38%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FUEIP100	7.83	7.30	-0.53	↓ -6.77%	KTT	4.40	4.00	-0.40	↓ -9.09%
NO1	8.47	7.92	-0.55	↓ -6.49%	NBW	26.70	24.30	-2.40	↓ -8.99%
PNC	8.63	8.10	-0.53	↓ -6.14%	KHS	10.60	9.80	-0.80	↓ -7.55%
HU1	5.90	5.54	-0.36	↓ -6.10%	NHC	35.00	32.50	-2.50	↓ -7.14%
CCI	22.80	21.80	-1.00	↓ -4.39%	SFN	19.60	18.20	-1.40	↓ -7.14%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	45,684,106	1.1%	293	252.2	2.8
NVL	43,775,700	1.8%	413	43.2	0.8
VND	37,024,300	13.0%	1,657	14.2	1.7
VIX	35,462,600	11.6%	1,444	14.5	1.6
HSG	27,369,300	7.5%	1,321	17.8	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	16,856,877	5.7%	688	29.7	1.6
CEO	13,486,089	3.1%	408	57.8	1.9
PVS	7,117,774	7.7%	2,148	18.2	1.4
HUT	5,341,172	0.6%	82	234.5	1.5
TNG	4,366,960	12.9%	1,988	11.0	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VCF	↑ 7.0%	23.8%	16,929	12.8	2.7
VRC	↑ 7.0%	0.0%	4	2,910.0	0.5
SMA	↑ 6.9%	5.2%	587	15.5	0.8
CLW	↑ 6.9%	21.9%	3,735	8.2	1.7
QCG	↑ 6.9%	0.3%	44	262.7	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PIA	↑ 10.0%	19.2%	3,378	7.4	1.4
DC2	↑ 10.0%	1.4%	146	34.2	0.5
TJC	↑ 9.9%	24.0%	4,654	3.3	0.7
HMR	↑ 9.6%	8.5%	1,171	15.1	1.3
VTV	↑ 9.4%	1.3%	170	37.7	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	1,990,900	3.9%	794	27.8	1.3
HSG	1,339,195	7.5%	1,321	17.8	1.3
TPB	938,000	13.7%	2,019	9.5	1.3
HBC	810,400	-93.0%	(2,836)	-	5.3
HQC	754,400	0.1%	10	429.0	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	376,500	8.3%	1,085	12.5	1.0
TNG	295,700	12.9%	1,988	11.0	1.3
HUT	166,700	0.6%	82	234.5	1.5
MST	78,000	9.1%	1,004	7.2	0.7
IDJ	35,000	5.8%	671	9.1	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	538,229	21.7%	5,910	16.3	3.2
BID	302,123	19.0%	3,781	14.0	2.5
CTG	189,024	17.0%	3,723	9.5	1.5
VHM	186,149	20.2%	7,664	5.6	1.0
GAS	185,347	18.4%	5,053	16.0	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,305	22.6%	4,221	13.9	3.1
PVS	18,688	7.7%	2,148	18.2	1.4
HUT	17,136	0.6%	82	234.5	1.5
SHS	16,588	5.7%	688	29.7	1.6
THD	13,552	3.0%	470	74.9	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VOS	2.49	9.7%	1,110	10.7	1.0
ANV	2.26	1.5%	317	109.3	1.6
HU1	2.22	0.1%	18	330.3	0.4
KSB	2.21	3.9%	962	28.0	1.2
VPG	2.17	1.3%	232	72.0	0.9

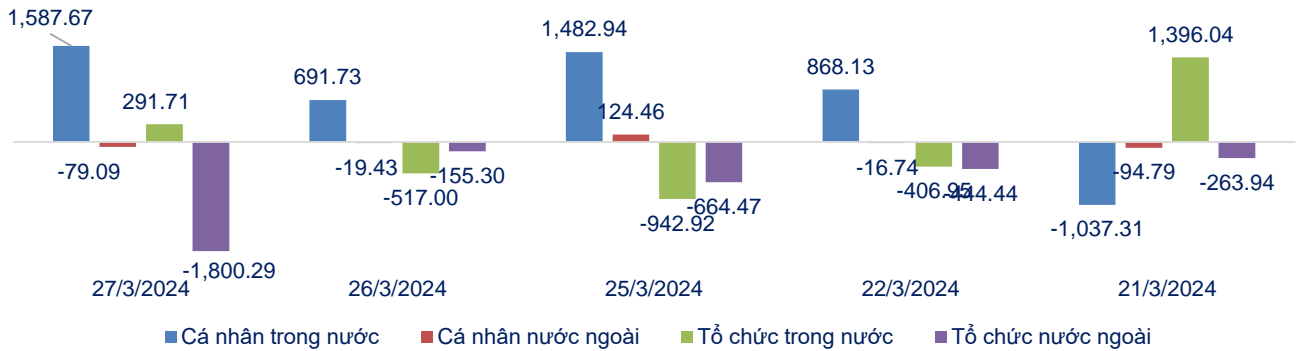
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.86	5.4%	758	18.7	1.3
NHC	2.52	-1.8%	(335)	-	2.0
SHS	2.51	5.7%	688	29.7	1.6
HUT	2.38	0.6%	82	234.5	1.5
PTD	2.37	3.7%	643	11.5	0.4



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	541.00	1.1%	293	252.2	2.8
VIX	167.93	11.6%	1,444	14.5	1.6
VHM	151.59	20.2%	7,664	5.6	1.0
GEX	123.95	1.6%	388	64.7	1.0
HPG	118.08	6.9%	1,175	26.0	1.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	-49.22	3.9%	794	27.8	1.3
MSB	-49.00	16.0%	2,322	6.4	0.9
HSG	-41.13	7.5%	1,321	17.8	1.3
PAC	-39.13	12.3%	2,479	12.1	1.5
VCB	-22.91	21.7%	5,910	16.3	3.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	5.64	0.7%	115	424.5	3.0
VND	3.10	13.0%	1,657	14.2	1.7
VRE	2.54	12.4%	1,940	13.6	1.6
PVD	2.53	4.0%	1,040	31.4	1.2
OCB	2.40	12.3%	1,608	9.2	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-40.50	23.5%	3,964	6.4	1.4
PNJ	-31.25	21.6%	5,984	16.3	3.3
VNM	-15.08	26.2%	4,248	15.9	4.0
SSI	-7.22	10.1%	1,531	24.8	2.5
HDB	-3.41	23.6%	3,481	7.0	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	467.21	1.1%	293	252.2	2.8
FUEVFNVD	54.85	N/A	N/A	N/A	N/A
MSB	48.94	16.0%	2,322	6.4	0.9
PAC	39.27	12.3%	2,479	12.1	1.5
DXG	21.57	1.2%	273	72.6	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-85.37	1.8%	413	43.2	0.8
HPG	-79.26	6.9%	1,175	26.0	1.7
EVF	-34.55	5.1%	748	22.7	1.4
NLG	-24.07	3.6%	1,259	35.2	1.3
FPT	-23.84	23.4%	5,101	22.5	4.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

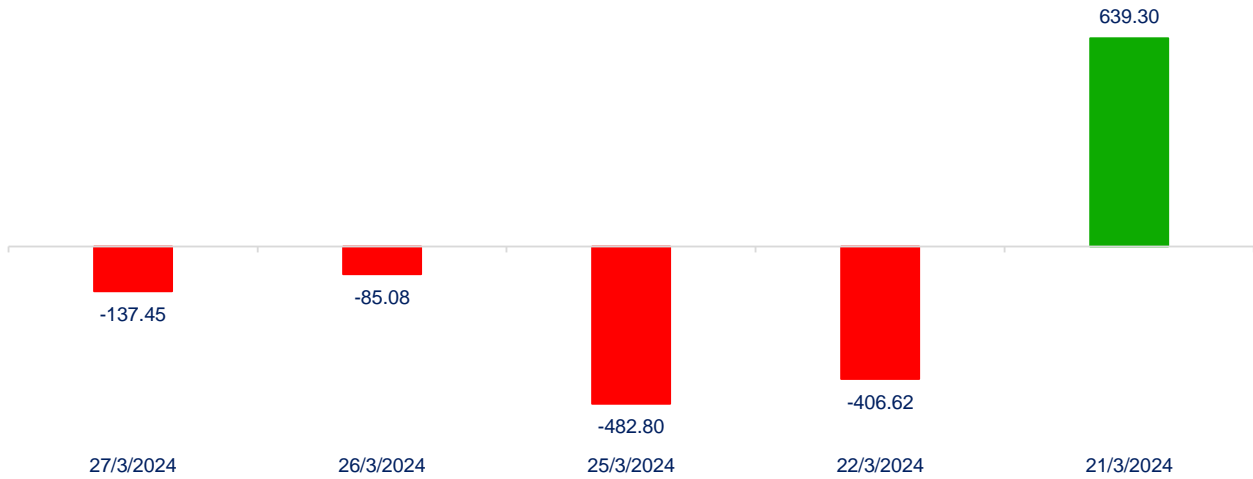
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	42.96	3.9%	794	27.8	1.3
MBB	40.54	23.5%	3,964	6.4	1.4
HSG	33.66	7.5%	1,321	17.8	1.3
PNJ	31.28	21.6%	5,984	16.3	3.3
MWG	23.84	0.7%	115	424.5	3.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

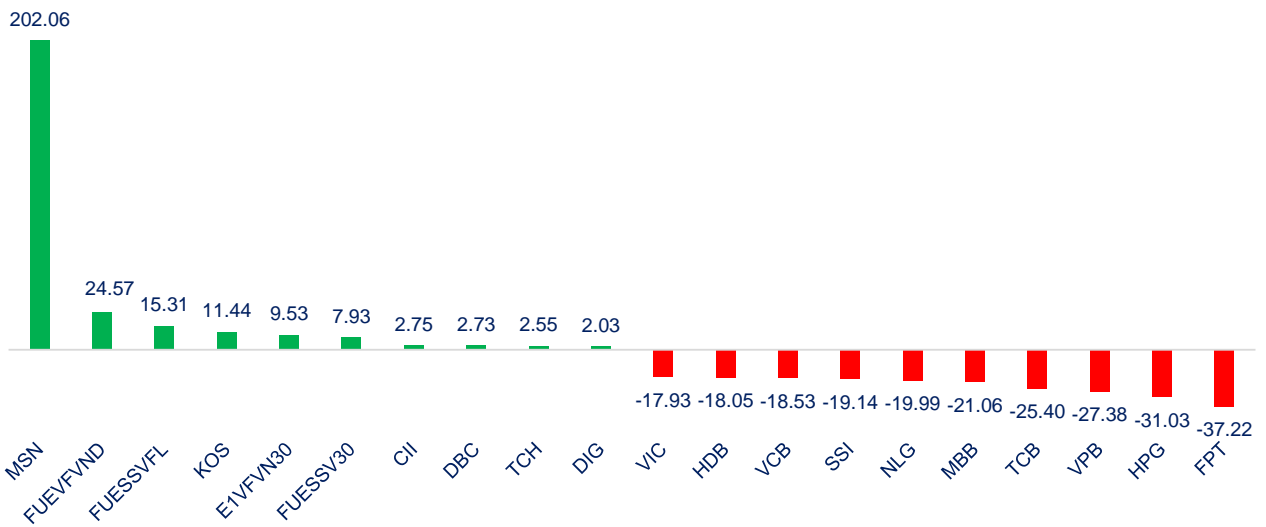
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-1,009.36	1.1%	293	252.2	2.8
VIX	-164.94	11.6%	1,444	14.5	1.6
VHM	-135.66	20.2%	7,664	5.6	1.0
GEX	-119.55	1.6%	388	64.7	1.0
VNM	-56.70	26.2%	4,248	15.9	4.0



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn